

Phụ lục IV
Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022

Tên Công ty/Name of Company: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín

I. Thông tin chung/ General information

1. Thông tin khái quát/ General information

- Tên giao dịch/ Trading name: **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/ Certificate of business registration No: 38/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 05/09/2008 và giấy phép điều chỉnh số: 07/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2016
- Vốn điều lệ/ Charter capital: 45.000.000.000đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Owner's capital: 45.000.000.000đ
- Địa chỉ/ Address: 40 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Số điện thoại/ Telephone: 04.39411588
- Số fax/ Fax:
- Website: www.viettincapital.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/ Securities code (if any):

Quá trình hình thành và phát triển/ Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ Foundation and development process (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/ Date of incorporation, time of listing, and development milestones since the establishment until now).

- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín được cấp phép thành lập vào ngày 05 tháng 9 năm 2008, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 38/GP-UBCKNN. Vốn Điều lệ được cấp phép là 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).
- Ngày 1 tháng 2 năm 2010 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số: 60/UBCK-GP cho phép Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín thay đổi địa điểm trụ sở sang Tầng 3 tòa nhà 40 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Ngày 13 tháng 7 năm 2009 người đại diện theo pháp luật của công ty là bà Hoàng Ngân Hà – chủ tịch Hội đồng quản trị theo Giấy phép sửa đổi số: 47/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.
- Năm 2016 Công ty tăng vốn lên 45.000.000.000 đồng Theo Giấy phép điều chỉnh số: 07/GPĐC-UBCK ngày 31/05/2016.
- Ngày 4 tháng 6 năm 2020 Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số:

- 29/GPĐC-UBCK cho phép VTCC bổ sung nghiệp vụ Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Ngày 10 tháng 5 năm 2022 Sở Kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp giấy phép thay đổi lần thứ nhất cho VTCC;
- Ngày 28 tháng 12 năm 2022 Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ thành viên số 68/GCN-UBCK cho VTCC
- Ngày 24 tháng 3 năm 2023 Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số: 23/GPĐC-UBCK thay đổi thông tin về bà Hoàng Ngân Hà – Đại diện pháp luật của công ty VTCC
- Ngày 03 tháng 04 năm 2023 Sở Kế hoạch đầu tư TP Hà Nội cấp giấy phép thay đổi lần thứ hai cho VTCC.

- Các sự kiện khác/Other events

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

- Ngành nghề kinh doanh/Lines of the business: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years): Công ty được thực hiện các ngành nghề kinh doanh sau:

- Lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Công ty đầu tư chứng khoán.
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

- Địa bàn kinh doanh/Location of business: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model.

Hội đồng quản trị:

a. Cơ cấu và tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín (“Hội đồng Quản trị”) do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, gồm 3 thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Hoàng Ngân Hà	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
2	Ông Ronald Nguyễn Anh Đạt	Ủy viên Hội đồng quản trị
3	Ông Nguyễn Văn Hải	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty trừ những vấn

đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Thành viên Hội đồng Quản trị đều là các chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

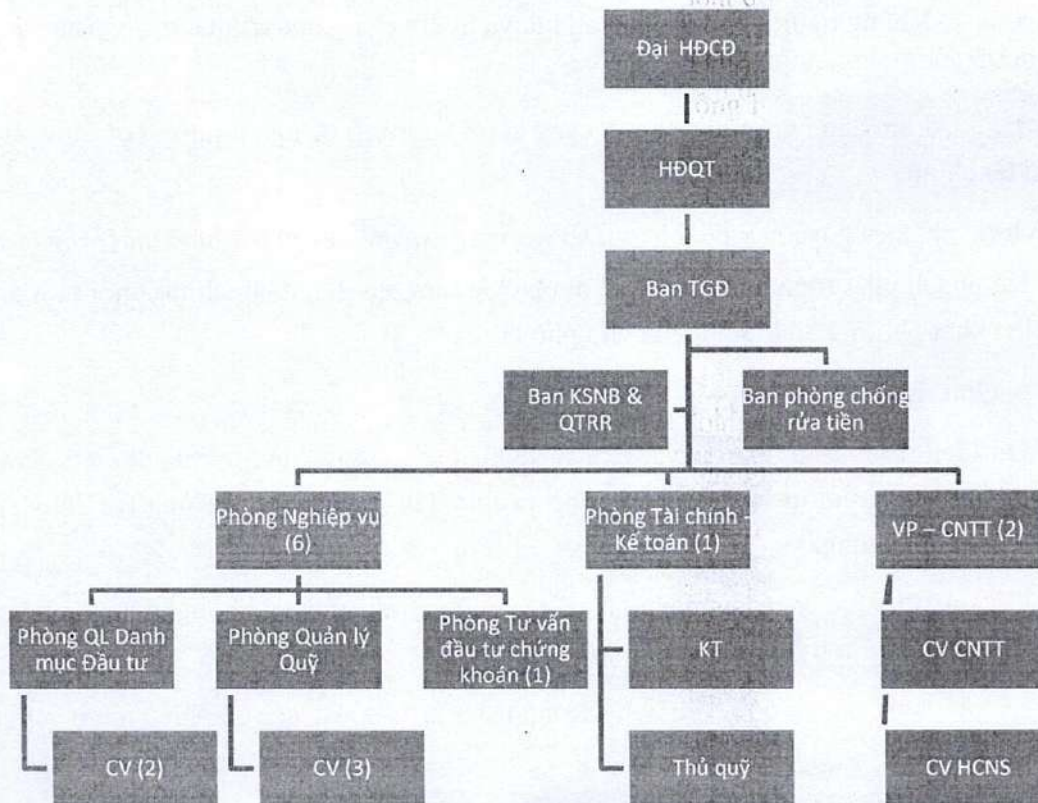
Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, ngay từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Hội đồng Quản trị đã xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2022 và phương hướng cho năm 2023, trong đó khái quát được chương trình, kế hoạch, nội dung hoạt động của Hội đồng, đồng thời dự đoán những vấn đề có thể phát sinh, từ đó chủ động giải quyết mọi vấn đề thuộc thẩm quyền. Trong năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thống nhất tập trung hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty và Hệ thống quy chế, quy trình nghiệp vụ, tạo đà cho bước phát triển của năm 2023.

Nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, kế hoạch đề ra, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo sâu sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện thành công việc điều hành các hoạt động này.

Trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình, nhận thức được rằng cần phải tập trung mọi nguồn lực cho xây dựng, phát triển và mở rộng hoạt động, thương hiệu của Công ty trong những năm đầu hoạt động và do tình hình hoạt động của Công ty trong những năm gần đây chưa hiệu quả nên các thành viên Hội đồng Quản trị quyết định không nhận thù lao điều hành tại Công ty.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Managementstructure*.

Sơ đồ tổ chức VTCC



- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/ (*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership rates of the Company in such subsidiaries, associated companies*): Công ty Đầu tư tài chính Sông Hồng được thành lập năm 2008.

Vốn điều lệ: 32.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Tư vấn, đầu tư. Tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, tư vấn lập và quản lý dự án đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình), dịch vụ nghiên cứu phân tích thị trường, ... nhận ủy thác đầu tư trong nước và từ nước ngoài.

Tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín là: 46,7%

4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*..

Các mục tiêu phát triển của Công ty là:

- Xây dựng một định chế tài chính chuyên nghiệp. Thu hút, quản lý và đầu tư vốn tại Việt Nam thông qua việc quản lý các quỹ đầu tư (bao gồm quỹ thành viên và quỹ công chúng).
- Không ngừng nâng cao năng lực và uy tín trong quá trình cung cấp các dịch vụ quản lý quỹ.
- Làm cầu nối giữa các nhà cung cấp vốn trong và ngoài nước với các nhà phát hành công cụ tài chính.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ *Development strategies in medium and long term*.

Kế hoạch phát triển của ông ty sẽ được chia làm hai giai đoạn chính, mỗi một giai đoạn sẽ được triển khai phương án kinh doanh cho phù hợp:

a. Giai đoạn 1:

Dự kiến trong giai đoạn này, công ty sẽ lập và quản lý các quỹ thành viên. Sau giai đoạn này, tùy theo tình hình thực tế của thị trường và thực tế hoạt động của Công ty, Công ty sẽ lập và quản lý quỹ công chúng.

Các quỹ thành viên trong giai đoạn này là những quỹ đóng và không niêm yết trên thị trường chứng khoán, bao gồm một số loại hình sau:

- Quỹ đầu tư cổ phiếu: Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết.
- Quỹ đầu tư trái phiếu: Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào các loại trái phiếu và sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định.

▪ Quỹ đầu tư tổng hợp: Quỹ sẽ đầu tư vào trái phiếu các loại, cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết.

b. Giai đoạn 2:

Ngoài việc quản lý các quỹ thành viên và quản lý danh mục đầu tư, Công ty sẽ thành lập và quản lý các quỹ công chúng (Bao gồm cả quỹ đóng và quỹ mở) nếu điều kiện thị trường thuận lợi và được UBCKNN cho phép dưới các dạng cơ bản như sau:

- Quỹ đầu tư Cổ phiếu: đầu tư 100% vào cổ phiếu.
- Quỹ đầu tư vào trái phiếu: Đầu tư 100% vào trái phiếu.
- Quỹ đầu tư tổng hợp: đầu tư theo tỷ lệ nhất định giữa cổ phiếu và trái phiếu. Tỷ lệ này do Điều lệ quỹ quy định hoặc do Đại hội nhà đầu tư thông qua.

Các quỹ công chúng trên sẽ được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Trong tương lai khi thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển và quy định pháp luật cho phép, Công ty sẽ đưa ra những sản phẩm cao cấp và đặc thù với những tiêu chí đầu tư đa dạng, đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư như quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ hưu trí, quỹ liên kết bảo hiểm....

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.*

5. *Các rủi ro/ Risks:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)/ *Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks).*

- Rủi ro tài chính: Bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year:* Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv./*Specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.:* Công ty chưa có biến động gì lớn về doanh thu.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ *Implementation situation/actual progress against the plan:* So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/ đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề./*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/ excess of the targets and against the preceding years:* Công ty đang nỗ lực thực hiện kế hoạch đề ra.

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ *List of the Board of Directors*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/ *List, curriculum vitae and ownership percentage in voting shares and other securities issued by the Company of the General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*). - Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

Tổng Giám Đốc: Ông Nguyễn Sĩ Phương. Ông Nguyễn Sĩ Phương, cử nhân kinh tế và có hơn 10 năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, tài chính.

Kế toán trưởng: Ông Hoàng Hải Đăng: cử nhân kinh tế và có 06 năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính Ngân hàng, chứng khoán.

Trưởng ban kiểm soát nội bộ: bà Lê Hồng Hạnh. cử nhân kế toán và có hơn 10 năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chứng khoán, tài chính.

- Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: không có.

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(*List the changes in the Board of Management of the year*).

Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies*: Công ty có 13 cán bộ, nhân viên. Trong năm 2022, mọi chế độ tiền lương của ban Tổng giám đốc và cán bộ nhân viên là cố định. Các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội cho cán bộ, nhân viên theo quy định của Nhà nước, ngoài ra không có cam kết nào khác.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án/), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/ *Specify major investments implemented for the year (including financial investments and projects investment), the implementation progress of major projects. In case the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets*: Công ty chưa có dự án lớn cụ thể.

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/ (*Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies*).

- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần đầu tư tài chính Sông Hồng. Công ty đã hoạt động gần 10 năm. Hiện tại chưa có lợi nhuận nhiều nhưng kì vọng sẽ phát triển tốt trong vài năm tới.

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	% tăng giảm/ % change
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	27,945,726,580	27,179,572,218	-2.74%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	11,485,709	19,652,931	71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	(651,079,473)	(698,042,957)	-7,2%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(8,252,894)	(6,358,743)	-23%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	(659,332,367)	(704,401,700)	7%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	(659,332,367)	(704,401,700)	7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	(146.52)	(156.53)	7%
Doanh thu/ <i>Revenue</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/*other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year X - 1	Năm/Year X	Ghi chú/<i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i>			

+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> : Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)	66	107	
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio</i> : <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <u>Short term Debt</u>	66	107	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)	0.005	0.003	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0.006	0.003	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i> : Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)	0.0004	0.0004	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	(57)	(36)	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	(0.02)	(0.016)	(0.03)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	(0.02)	(0.03)	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	-(56.69)	(35.52)	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the

owner's equity.

a) Cổ phần/Shares: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, Company Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries: Toàn bộ cổ phần của Công ty đều có thể chuyển nhượng không bị hạn chế theo quy định của Pháp luật.

b) Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác/Specify shareholders structure by ownership proportion (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders).

ST T	Họ và tên	Địa chỉ và số đăng ký	Giá trị vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Loại cổ phần
1	Công ty TNHH Đất Việt Nam	- Địa chỉ trụ sở chính: 40 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số: 0102006118 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 09 tháng 08 năm 2002 tại Hà Nội	14.250.000.000	31.67%	Cổ phần phổ thông

3	Công ty CP Đầu tư tài chính Việt Tín	Địa chỉ trụ sở chính: 40 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số: 0102328953 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 07 năm 2007 tại Hà Nội	900.000.000	2%	Cổ phần phổ thông
4	Bà Hoàng Ngân Hà	Địa chỉ: 40 Phan Bội Châu, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội Số CCCD số: 001172038904 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 24/06/2021	29.850.000.000	66.33%	Cổ phần phổ thông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v./ *Specify equity increases for the year including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Năm 2016 Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín tăng vốn lên 45.000.000.000đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties*: Công ty chưa có giao dịch này.

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/ *Specify other securities issuance conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issuance*: Công ty chưa có hoạt động này.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/ *Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ Measures and initiatives to reduce GHG emission.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

Công ty có 13 cán bộ và nhân viên, mức lương bình quân: không công bố

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/ Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers: Công ty đóng đầy đủ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định hiện hành

Năm 2022 Công ty đã tổ chức cho nhân viên đi tham quan và có hoạt động gắn kết các gia đình nhân viên với nhau thông qua việc tổ chức Lễ hội Trung thu cho các cháu thiếu nhi và tổ chức Tiệc cuối năm, tạo điều kiện cho gia đình các nhân viên làm việc trong công ty có dịp gặp gỡ, giao lưu và chia sẻ với nhau. Ngoài ra, lãnh đạo công ty đã quan tâm đến việc rèn luyện sức khỏe cho nhân

viên thông qua việc tổ chức lớp học Yoga...

Hàng năm, để đảm bảo môi trường làm việc của công ty nói chung và nhân viên VTCC nói riêng được an toàn, tòa nhà nơi có trụ sở làm việc của VTCC được trang bị thiết bị phòng chống cháy nổ và tập rượt phòng cháy chữa cháy theo đúng hướng dẫn của công an Phòng cháy chữa cháy Quận và Thành phố.

Trong bối cảnh diễn biến dịch covid 19 phức tạp, công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị phòng chống dịch cho người lao động theo hướng dẫn của UBNDTP Hà Nội và Sở y tế Hà Nội.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/ *Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/ *The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff.*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/ *The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development:* Công ty đã cho nhân viên bồi dưỡng nghiệp vụ để phát huy hết năng lực có thể.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ *Report on responsibility for local community.*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/ *The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ *Green capital market activities under the guidance of the SSC:* Công ty chưa hoạt động lĩnh vực này.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/ *(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management*
(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty/the Board of Management reports and assesses on the situation in all aspects of the Company)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/ *General analysis of company's operations against the targets and previous operating results. In case the operating results do not meet targets, clearly state the reasons and responsibilities of the Board of Directors for such results (if any).* Công ty vẫn đang trong giai đoạn triển khai các hoạt động tạo tiền đề cho năm 2023

Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements:* trong năm 2022 Công ty cổ phần

Quản lý quỹ Việt Tín đã được UBCK nhà nước cấp Giấy chứng nhận thành lập Quỹ thành viên, mở ra cho công ty có thêm các hoạt động đầu tư trong nhiều lĩnh vực được phép². *Tình hình tài chính/ Financial Situation*

a) *Tình hình tài sản/ Assets*

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of the asset, changes in assets (analysis, assessment of the efficiency of assets usage, bad liabilities, bad assets that affect business results)*.

b) *Tình hình nợ phải trả/ Liabilities*

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/ *Analysis of outstanding debts, impact of the exchange rate changes on operating results of the company, and the cost of borrowing to the company's results*: Công ty không có biến động về các khoản nợ phải trả. Trong năm 2022.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ Improvements in organizational structure, policies, management*: Công ty chưa có cải tiến gì lớn về cơ cấu và chính sách quản lý.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future*: Công ty sẽ đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động nghiệp vụ nhằm mang lại doanh thu cho Công ty.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/ Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved)*:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín xin giải trình về việc ý kiến ngoại trừ của Kiểm toán trên BCTC năm 2022 là do nguyên nhân chính sau:

1. Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ: “ Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê số dư quỹ tiền mặt tại thời điểm 31/12/2022. Số dư tiền mặt tại thời điểm 31/12/2022 là: 4.781.713.778 VND”

2. Nguyên nhân và khắc phục:

- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín thay đổi đơn vị kiểm toán sau ngày 31/12/2022. Công ty đã ký kết Hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán TTP vào ngày 24/03/2023 nên Công ty TNHH kiểm toán TTP đã không chứng kiến kiểm kê Quỹ tiền mặt vào ngày 31/12/2022.

- Hiện tại, khoản tiền mặt 4,000,000,000đ (Bốn tỷ đồng) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín đã nộp vào tài khoản Công ty tại ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam và đã được Công ty TNHH kiểm toán TTP thuyết minh trên BCTC năm 2022.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín sẽ cố gắng nỗ lực kỳ vọng cải thiện được kết quả hoạt động kinh doanh tốt hơn trong thời gian tới

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...)*.

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers*: Cán bộ, nhân viên tại Công ty được làm việc trong một môi trường văn minh, trang thiết bị và cơ sở vật

chất đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Công việc cũng như đảm bảo tốt sức khỏe của cán bộ, nhân viên.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*: Hoạt động kinh doanh của Công ty không chỉ nhằm mục đích mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp mà còn đóng góp cho xã hội thông qua hoạt động đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp thuộc các ngành khác để thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Management on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities*: Trong năm 2022 Công ty tuân thủ đúng các quy định về pháp luật và điều lệ của Công ty. Công ty chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với Công ty Quản lý Quỹ tại Ủy ban chứng khoán nhà nước. Các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã nỗ lực để hoàn thành đúng chức năng của mình.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance*: Ban Tổng giám đốc Công ty đã nỗ lực cùng với các phòng nghiệp vụ kinh doanh trên cơ sở tuân thủ pháp luật, minh bạch rõ ràng đối với tài khoản khách hàng. Tôn trọng đạo đức kinh doanh, tôn trọng khách hàng. Đảm bảo an toàn tuyệt đối tài sản của khách hàng.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors*: Trong bối cảnh nền kinh tế có những hạn chế đối với chính sách tín dụng trong lĩnh vực chứng khoán và Quản lý Quỹ, Công ty sẽ nỗ lực hơn nữa để từng bước hoàn thành các mục tiêu đã đề ra.

V. Quản trị công ty/Corporate governance (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)/Non-listed organizations are not obliged to disclose the information in this Section).

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/*Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/ *(list of members of the Board of Management, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company, clearly Specify independent and other members; number of positions that a member the Board of Management held in other companies)*).

Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Hoàng Ngân Hà	Chủ tịch HĐQT	66,33%
Nguyễn Anh Đạt	Thành viên	
Nguyễn Văn Hải	Thành viên	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*The committees of the Board of Director*: (Liệt kê các tiểu

ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*Listing the committees of the Board of Directors and members of each committee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment on the Board of Directors, specifying the number of meetings, contents and results of Board of Directors meetings*.

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i>
1	10/2022/NQ-HĐQT	29/03/2022	Triệu tập cuộc họp Đại HĐCĐTN tổ chức vào ngày 26/4/2022	100%
2	26/2022/NQ-HĐQT	05/06/2022	Xem xét các điều kiện thành lập quỹ thành viên	100%
3	30/2022/NQ-HĐQT	26/08/2022	Nghiên cứu các nội dung đầu tư cho quỹ tương lai	100%
4	32/2022/NQ-HĐQT	09/12/2022	Rà soát chuẩn các nội dung để lập quỹ thành viên	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of independent members of the Board of Directors*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the committees of the Board of Directors*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*assessment of activities of the committees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each committee, contents and results of the meetings*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/ *Board of Supervisors*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/*Members and structure of the Board of Supervisors*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*list of members of the Board of Supervisors, percentages of ownership in voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/*Activities of the Board of Supervisors*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessment of the Board of Supervisors, specifying the number of meetings, contents and results*

of the Board of Supervisors meetings).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits or interests which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and accounted for sufficiently).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about share transactions of the members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director), Chief Accountant, managers, Company Secretary, major shareholders and the affiliated persons).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/Information about the contracts, or transactions that Company's members of the Board of Supervisors, Director (General Director), managers and affiliated persons entered into or executed in the year with the company, subsidiaries, other companies in which the company hold the control rights).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/Clearly specify the contents which have not been implemented in accordance to the law on corporate governance. Reasons, solutions and remediation plans/plans to improve efficiency in corporate governance).

VI. Báo cáo tài chính/ Financial statements

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê số dư quỹ tiền mặt tại thời điểm 31/12/2022. Số dư tiền mặt tại thời điểm 31/12/2022 là: 4.781.713.778 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu

tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Tín tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo Thuyết minh số V.4, trong năm 2022 Công ty đang thực hiện chi tạm ứng cho cán bộ công nhân viên thực hiện các hoạt động kinh doanh của công ty bằng tiền mặt. Tổng số tiền là 5 tỷ đồng. Tại thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, các cá nhân này đã hoàn trả lại tiền qua hình thức nộp tiền vào tài khoản Công ty tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam.

Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này đơn vị đã nộp 4 tỷ tiền mặt vào tài khoản Công ty tại Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội với ý kiến chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp hoặc Báo cáo tài chính của đơn vị kế toán cấp trên/Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance to the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and the addresses where the financial statements of the parent company or the general Financial Statements or the financial statements of superior accounting units to be published and provided).

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QỬY VIỆT TÍN
 Tầng 3, Số 40 Phan Bội Châu, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn
 Kiếm, Thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGÂN HÀNG					
100	9,825,480,184			10,092,877,521	9,566,904,239
I. Tiền và các khoản tương đương tiền					
110	4,808,637,817			4,808,637,817	9,566,904,239
1. Tiền					
111	4,808,637,817	V.1		4,808,637,817	9,566,904,239
2. Các khoản tương đương tiền					
112	-			-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
120	-			-	-
1. Đầu tư ngắn hạn					
121	-			-	-
129	-			-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (*)					
III. Các khoản phải thu ngắn hạn					
130	5,016,842,367			5,016,842,367	5,25,973,282
1. Phải thu khách hàng					
131	-			-	-
132	-			-	19,250,000
1. Trả trước cho người bán					
134	16,842,367	V.3		16,842,367	6,723,282
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ					
135	5,000,000,000	V.4a		5,000,000,000	500,000,000
3. Các khoản phải thu khác					
150	-			-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn					
B. TÀI SẢN DÀI HẠN					
200	17,354,092,034			17,852,849,059	
I. Các khoản phải thu dài hạn					
210	2,500,000,000			2,500,000,000	3,000,000,000
1. Phải thu dài hạn khác					
218	2,500,000,000	V.4b		2,500,000,000	3,000,000,000
II. Tài sản cố định					
220	-			-	-
1. Tài sản cố định hữu hình					
221	-			-	-
222	666,141,407			666,141,407	666,141,407
- Nguyên giá					
223	(666,141,407)			(666,141,407)	(666,141,407)
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)					
250	14,854,092,034	V.2		14,852,849,059	
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn					
251	-			-	-
1. Đầu tư vào công ty con					
252	14,944,000,000			14,944,000,000	14,944,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết					
258	-			-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
259	(89,907,966)			(89,907,966)	(91,150,941)
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)					
270	27,179,572,218			27,945,726,580	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN					

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ					
1. Nợ ngắn hạn	310			91,773,734	153,526,396
1. Vay ngắn hạn	311			-	-
2. Phải trả người bán	312			-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.5		3,254,640	4,009,640
4. Phải trả người lao động	315			-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316			-	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.6		88,519,094	149,516,756
11. Nợ dài hạn	330			-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			27,087,798,484	27,792,200,184
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.7		45,000,000,000	45,000,000,000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420			(17,912,201,516)	(17,207,799,816)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a			(17,207,799,816)	(16,638,467,449)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b			(704,401,700)	(569,332,367)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			27,179,572,218	27,945,726,580
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm	
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		-	-	
2. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.8	3,285,216	2,888,862	
- Tiền gửi của NĐT ủy thác trong nước	031		3,285,216	2,888,862	
3. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.9	2,250,000,000	2,250,000,000	
3.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		2,250,000,000	2,250,000,000	
4. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050		-	-	
5. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	-	
Người lập biểu	Kế toán trưởng				
Chủ tịch HĐQT	Đại diện theo pháp luật				
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022					
Hoàng Hải Đăng		Hoàng Hải Đăng		Hoàng Ngân Hà	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022	Đơn vị tính: VND
----------	-------	-------------	----------	------------------

1. Doanh thu	01	V.10	19,652,931	11,485,709
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		19,652,931	11,485,709
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		19,652,931	11,485,709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.11	87,596	228,269
7. Chi phí tài chính	22	V.12	(1,242,975)	(27,257,646)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.13	719,026,459	690,051,097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(698,042,957)	(651,079,473)
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32		6,358,743	8,252,894
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(6,358,743)	(8,252,894)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(704,401,700)	(659,332,367)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (50 = 30 + 40)	51	V.14		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(704,401,700)	(659,332,367)
18. Lợi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.15	(156,53)	(146,52)

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Chủ tịch HĐQT

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Đại diện theo pháp luật

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Năm nay

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	9,533,846	5,735,544
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(38,550,000)	(66,691,659)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(693,927,591)	(616,428,438)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1,000,000,000	1,083,000,000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(5,035,410,273)	(188,239,260)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4,758,354,018)	217,376,187
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	87,596	228,269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	87,596	228,269
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(4,758,266,422)	217,604,456
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9,566,904,239	9,349,299,783
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4,808,637,817	9,566,904,239

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo pháp luật

Hoàng Hải Đăng

Hoàng Hải Đăng

Hoàng Ngân Hà

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ VIỆT TÍN		Báo cáo tài chính	
Tầng 3, Số 40 Phan Bội Châu, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội		Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	
V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
Tiền mặt		4,781,713,778	9,542,402,331
Tiền gửi ngân hàng		26,924,039	24,501,908
Cộng		4,808,637,817	9,566,904,239
2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN			
(Chi tiết Phụ lục 1)			
3 . PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
- Phải thu hoạt động quản lý Quỹ ĐTCK và quản lý Công ty <i>Quỹ đầu tư phát triển Việt Tín</i>		8,220,439	-
		8,220,439	-
- Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán <i>Công ty CP XNK Vật tư, Nông sản và Vận tải</i>		8,621,928	6,723,282
		8,621,928	6,723,282
Cộng		16,842,367	6,723,282
4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC		Số cuối năm	Số đầu năm
		VND	VND
a. Ngắn hạn		5,000,000,000	500,000,000
- Phải thu khác		-	500,000,000
<i>Phải thu khoản hoàn trả tiền đặt cọc thuê văn phòng</i>		-	500,000,000
- Tạm ứng (**)		5,000,000,000	-
b. Dài hạn		2,500,000,000	3,000,000,000
- Ký quỹ tiền thuê văn phòng (*)		2,500,000,000	3,000,000,000
Cộng		7,500,000,000	3,000,000,000
(*) Tại thời điểm 31/12/2022, toàn bộ số tiền ký quỹ thuê văn phòng trên dùng để đặt cọc hợp đồng thuê văn phòng với bà Hoàng Ngân Hà tại số 40 Phan Bội Châu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo hợp đồng ngày 03/01/2012 và phụ lục hợp đồng ngày 28/12/2022 về việc giảm số tiền đặt cọc thuê văn phòng từ 3 tỷ đồng xuống 2,5 tỷ đồng, thời hạn thuê 30 năm kể từ ngày ký hợp đồng.			
		Số cuối năm	Số đầu năm
(**) Chi tiết số dư tạm ứng		VND	VND
- Bà Nguyễn Thị Kim Anh		2,400,000,000	-
- Ông Lê Quang Hùng		2,600,000,000	-
		5,000,000,000	-

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Thuế thu nhập cá nhân	3,254,640		4,009,640	
Cộng	3,254,640		4,009,640	
6 . PHẢI TRẢ KHÁC				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Ngắn hạn				
- Kinh phí công đoàn	1,381,840		1,281,794	
- Bảo hiểm xã hội	82,381,215		145,957,910	
- Bảo hiểm y tế	4,756,039		2,277,052	
Cộng	88,519,094		149,516,756	
7 . VỐN CHỦ SỞ HỮU				
a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Bà Hoàng Ngân Hà	29,850,000,000	66%	29,850,000,000	66.33%
Công ty TNHH Đất Việt Nam	14,250,000,000	31.67%	14,250,000,000	31.67%
Công ty CP Đầu tư tài chính Việt Tín	900,000,000	2.00%	900,000,000	2.00%
Cộng	45,000,000,000	100%	45,000,000,000	100%
b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu				
+ Vốn góp đầu năm	45,000,000,000		45,000,000,000	
+ Vốn góp cuối năm	45,000,000,000		45,000,000,000	
c. Cổ phiếu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4,500,000		4,500,000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4,500,000		4,500,000	
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4,500,000		4,500,000	
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>				
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4,500,000		4,500,000	
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4,500,000		4,500,000	
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>				
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000		10,000	

8 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC		
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Số dư đầu năm	2,888,862	10,206,695
Số dư cuối năm	3,285,216	2,888,862
9 . DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC		
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Cổ phiếu chưa niêm yết	2,250,000,000	2,250,000,000
Cộng	2,250,000,000	2,250,000,000
(Chi tiết xem phụ lục 2)		
* THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH		
10 . DOANH THU	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán	8,220,439	-
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	11,432,492	11,485,709
Cộng	19,652,931	11,485,709
11 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	87,596	228,269
Cộng	87,596	228,269
12 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Trích lập/hoàn nhập Dự phòng đầu tư tài chính	(1,242,975)	(27,257,646)
Cộng	(1,242,975)	(27,257,646)
13 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- Chi phí nhân viên quản lý	630,215,225	639,609,438
- Thuế phí, lệ phí	3,000,000	3,000,000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57,800,000	38,500,000
- Chi phí bằng tiền khác	28,011,234	8,941,659
Cộng	719,026,459	690,051,097

14 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Năm 2022		Năm 2021	
	VND		VND	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(704,401,700)		(659,332,367)	
Các khoản điều chỉnh tăng	6,358,743		8,252,894	
- Chi phí không hợp lệ khác	6,358,743		8,252,894	
Các khoản điều chỉnh giảm	-		-	
Thu nhập chịu thuế	-		-	
Thuế suất thuế TNDN	20%		20%	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-		-	
15 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	Năm 2022		Năm 2021	
	VND		VND	
Lợi nhuận thuần sau thuế	(704,401,700)		(659,332,367)	
Các khoản điều chỉnh	-		-	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(704,401,700)		(659,332,367)	
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4,500,000		4,500,000	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(156.53)		(146.52)	
21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH				
Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:				
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,808,637,817		9,566,904,239	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7,500,000,000	-	3,500,000,000	-
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	16,842,367		6,723,282	
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	14,944,000,000		14,944,000,000	
Cộng	27,269,480,184	-	28,017,627,521	-
Nợ phải trả tài chính			Số cuối năm	Số đầu năm
			VND	VND
Phải trả người bán, phải trả khác			88,519,094	149,516,756
Chi phí phải trả			-	-
Cộng			88,519,094	149,516,756

<p>Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.</p>
<p>Quản lý rủi ro tài chính</p> <p>Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.</p>
<p>Rủi ro thị trường</p> <p>Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường</p> <p>Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chủ yếu là rủi ro về giá chứng khoán.</p> <p><i>Rủi ro về giá:</i></p> <p>Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các</p>
<p>Rủi ro tín dụng</p> <p>Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)</p>

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,808,637,817	-	-	4,808,637,817
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5,000,000,000	2,500,000,000	-	7,500,000,000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	16,842,367	-	-	16,842,367
Đầu tư dài hạn			14,944,000,000	14,944,000,000
Cộng	9,825,480,184	2,500,000,000	14,944,000,000	27,269,480,184
Số đầu năm	-			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9,566,904,239	-	-	9,566,904,239
Phải thu khách hàng, phải thu khác	500,000,000	3,000,000,000	-	3,500,000,000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6,723,282	-	-	6,723,282
Đầu tư dài hạn			14,944,000,000	14,944,000,000
Cộng	10,073,627,521	3,000,000,000	14,944,000,000	28,017,627,521

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	88,519,094	-	-	88,519,094
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	88,519,094	-	-	88,519,094
Số đầu năm				
Phải trả người bán, phải trả khác	149,516,756	-	-	149,516,756
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	149,516,756	-	-	149,516,756

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

22	NHỮNG THÔNG TIN KHÁC				
a	. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN				
	Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 03 năm 2023: Nội dung thay đổi số căn cước công dân của người đại diện pháp luật là Bà Hoàng Ngân Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài các sự kiện nêu trên không có thêm sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022				
b	. BÁO CÁO BỘ PHẬN				
	Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)				
	Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam				
	Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh				
	Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:				
					Đơn vị tính: VND
	Diễn giải	Hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư	Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán	Cộng
	Doanh thu thuần ra bên ngoài	8,220,439	11,432,492	-	19,652,931
	Doanh thu thuần giữa các bộ ph				-
	Tổng doanh thu thuần	8,220,439	11,432,492		19,652,931
	Chi phí bộ phận				-
	Kết quả kinh doanh bộ phận	8,220,439	11,432,492		19,652,931
	Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				719,026,459
	Lợi nhuận từ hoạt động KD				(699,373,528)
	Doanh thu hoạt động tài chính				87,596
	Chi phí tài chính				(1,242,975)
	Thu nhập khác				-
	Chi phí khác				6,358,743
	Chi phí Thuế TNDN hiện hành				-
	Lợi nhuận sau thuế				(704,401,700)
c	. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN				
	<i>* Các bên liên quan:</i>		<i>Mối quan hệ</i>		
	Quỹ đầu tư phát triển Việt Tín		Quỹ thành viên do Công ty CP Quản lý quỹ Việt Tín quản		
	Công ty CP Đầu tư Tài chính Sông Hồng		Công ty liên kết		
	Bà Hoàng Ngân Hà		Chủ tịch HĐQT		
	Ông Nguyễn Sĩ Phương		Tổng Giám Đốc		

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan	Loại giao dịch	Năm 2022 VND
Bà Hoàng Ngân Hà	Thu tiền hoàn trả tiền đặt cọc thuê văn phòng	1,000,000,000
Quỹ đầu tư phát triển Việt Tín	Doanh thu phí quản lý quỹ	8,220,439

Số dư với bên liên quan	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động nghiệp vụ		
Quỹ đầu tư phát triển Việt Tín	8,220,439	
Phải thu khác		
Bà Hoàng Ngân Hà	-	500,000,000
Đặt cọc tiền thuê văn phòng Bà Hoàng Ngân Hà	2,500,000,000	3,000,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết Công ty CP Đầu tư Tài chính Sóng Hồng	14,944,000,000	14,944,000,000

* Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Nguyễn Sĩ Phương	97,042,500	91,230,000

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Trí tuệ Việt Nam đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội. Số liệu này đã được điều chỉnh một số chỉ tiêu cho phù hợp số liệu trình bày Báo cáo tài chính năm nay. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI NGÀY 31/12/2021

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Thay đổi *
		VND	VND	VND
Phải thu dài hạn khác (*)	218	-	3,000,000,000	3,000,000,000
Tài sản dài hạn khác (*)	268	3,000,000,000	-	(3,000,000,000)

(*) Trình bày lại khoản đặt cọc tiền thuê văn phòng đang ghi nhận trên tài sản dài hạn khác.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo pháp luật

Hoàng Hải Đăng

Hoàng Hải Đăng

Hoàng Ngân Hà

Nơi nhận:
Recipients:
-;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name and seal)



[Handwritten signature]
CHỦ TỊCH H.Đ.Đ.T
Hoàng Ngân Hà